TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2025/HC-PT
Ngày: 03/01/2025
V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

- Các Thẩm phán: Ông **Võ Ngọc Thông**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 326/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2024/HC-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Ngọc B - Sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: buôn J, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Bà H'Yim K - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đ (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Địa chỉ: I L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

+ Ông Lê Minh Đ - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (vắng mặt).

+ Ông Hồ Đức V - Chuyên viên Phòng Quản lý đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ. Địa chỉ: D P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn N - Phó Chủ tịch UBND huyện B (vắng mặt). Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng người khởi kiện trình bày:** Ông B nộp hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 06/12/2021 ông B nhận được Công văn số 145/CV-TNMT ngày 19/11/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (sau đây viết tắt là Công văn số 145) trả lời đơn của ông B, nội dung thửa đất số 267, tờ bản đồ số 72 của ông B không chuyển được mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở theo quy định. Không đồng ý với Công văn số 145, ngày 09/12/2021 ông B gửi đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch UBND huyện B, nội dung yêu cầu xác minh, thu hồi lại Công văn số 145 và chấp nhận yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của ông B. Sau hơn một năm không có kết quả, ngày 23/12/2022 ông B gửi đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Đ, nội dung đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đ giải quyết khiếu nại lần hai; chỉ đạo UBND huyện B chấp nhận yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của ông B; xử lý nghiêm đối với tập thể, cá nhân không giải quyết khiếu nại của công dân. Tuy nhiên, cho đến nay ông B vẫn chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của các cấp.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết những nội dung sau:

- Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện B là trái pháp luật.

- Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là trái pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Đ phải thực hiện việc giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại đề ngày 20/12/2022 cho ông B theo quy định pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Đ bồi thường chi phí phát sinh cho gia đình ông B trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật do việc không tuân thủ pháp luật của Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Đ, số tiền 747.750.000 đồng (chi phí hành chính 27.750.000 đồng; chi phí đầu tư để tuân thủ quy định 19.000.000 đồng; phí, lệ phí khởi kiện 300.000 đồng; chi phí rủi ro pháp lý 700.000.000 đồng; chi phí không chính thức 700.000 đồng).

*** Người bị kiện Chủ tịch** UBND tỉnh Đ **trình bày:** Ngày 30/12/2022 UBND tỉnh Đ nhận được đơn đề ngày 20/12/2022 của ông B, nội dung kiến nghị liên quan đến việc xin chuyển mục đích sử dụng đất. Sau khi xem xét nội dung đơn, căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013, nội dung kiến nghị thuộc thẩm quyền của UBND huyện B nên UBND tỉnh đã chuyển đơn của ông B cho UBND huyện B để giải quyết theo thẩm quyền tại Công văn số 396/UBND-

NNMT ngày 16/01/2023. Do đó, nội dung khởi kiện của ông B là không có căn cứ, đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của ông B.

*** Người bị kiện Chủ tịch** UBND huyện B **trình bày:** Năm 2021 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (sau đây viết tắt là phòng TNMT) tiếp nhận hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của ông B đối với thửa đất số 267, tờ bản đồ số 72, diện tích 320,6 m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại thôn A, xã T. Ngày 29/11/2021 Phòng T ban hành Công văn số 145 trả lời cho ông B, nội dung thửa đất ông B nằm trong quy hoạch đường giao thông tại khu T huyện B nên không đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở. Ngày 13/12/2021 UBND huyện B nhận được đơn khiếu nại của ông B đề nghị thu hồi Công văn số 145 và chấp nhận yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất của ông B. UBND huyện đã giao cho Phòng TNMT giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo kết quả giải quyết. Tại Báo cáo số 107/BC-TNMT ngày 30/12/2024 của Phòng TNMT thể hiện Phòng TNMT ban hành Công văn số 145 là đúng quy định. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện B đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2024/HC-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc B:

- Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện B là trái pháp luật.

- Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là trái pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Đ phải thực hiện việc giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại đề ngày 20/12/2022 cho ông B theo quy định pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Đ bồi thường chi phí phát sinh cho gia đình ông B trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật do việc không tuân thủ pháp luật của Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Đ, tổng số tiền 752.400.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/8/2024, người khởi kiện ông B kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và không chấp nhận kháng cáo của ông B và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông B; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Về hành vi không giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Ngày 30/12/2022 UBND tỉnh Đ nhận được đơn khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Ngọc B. Tại đơn khiếu nại lần hai, ông B đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đ giải quyết khiếu nại lần 2; chỉ đạo UBND huyện B chấp thuận yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 267; xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan.

Tại khoản 1 Điều 33 Luật Khiếu nại quy định "*Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 28 của Luật này mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày*".

Đối chiếu với quy định trên, thấy rằng: Ngày 13/12/2021 UBND huyện B nhận được đơn khiếu nại lần đầu của ông B. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày 13/12/2021, Chủ tịch UBND huyện B phải giải quyết khiếu nại cho ông B (chậm nhất là ngày 13/02/2022). Trường hợp Chủ tịch UBND huyện B không giải quyết khiếu nại lần đầu thì chậm nhất ngày 13/3/2022 ông B phải gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh. Tuy nhiên, đến ngày 30/12/2022 UBND tỉnh Đ mới nhận được đơn khiếu nại lần 2 của ông B. Như vậy, đơn khiếu nại lần 2 của ông B đã hết thời hạn khiếu nại theo quy định. Ông B cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông B gặp sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan làm cho ông B không thực hiện được quyền khiếu nại theo quy định. Do hết thời hạn khiếu nại lần 2 nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Đ không ra quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng quy định tại Điều 40 Luật Khiếu nại. Lẽ ra, trường hợp này UBND tỉnh cần trả lời bằng văn bản cho ông B được biết nhưng lại chuyển đơn của ông B về cho UBND huyện B giải quyết theo thẩm quyền là không phù hợp, cần rút kinh nghiệm.

[1.2] Về hành vi không giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 29/11/2021 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B ban hành Công văn số 145 trả lời đơn của ông Nguyễn Ngọc B, nội dung thửa đất số 267, tờ bản đồ số 72, diện tích 320,6 m^2, tại thôn A, xã T, huyện B nằm trong quy hoạch đường giao thông tại khu trung tâm huyện B nên không đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở. Như vậy, Công văn số 145 có nội dung làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B nên đây là quyết định hành chính của Phòng TNMT. Ngày 13/12/2021 UBND huyện B nhận được đơn khiếu nại đề ngày 08/12/2021 của ông B, nội dung khiếu nại về việc không cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất và đề nghị thu hồi Công văn số 145, chấp nhận yêu cầu cho chuyển mục đích sử dụng đất. Như vậy, ông B đã khiếu nại về quyết định hành chính trong thời hạn quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại. Về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cá nhân, hộ gia

đình thuộc thẩm quyền của UBND huyện B. Do vậy, đơn khiếu nại của ông B thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND huyện B theo Điều 18 Luật khiếu nại. Tại Điều 28 Luật Khiếu nại quy định "Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý"

Đối chiếu với quy định trên, kể từ ngày UBND huyện B nhận được đơn khiếu nại của ông B (ngày 13/12/2021) đến nay, Chủ tịch UBND huyện B không ra quyết định giải quyết khiếu nại trong thời hạn luật định là vi phạm Điều 28, Điều 31 Luật Khiếu nại.

Tại khoản 2 Điều 33 Luật Khiếu nại quy định: Hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 28 của Luật này mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên kể từ ngày 13/02/2022 (ngày hết hạn giải quyết khiếu nại lần đầu) đến ngày 19/12/2023 ông B mới khởi kiện tại Toà án về việc không giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện B là đã hết thời hiệu khởi kiện.

[2.3]. Về yêu cầu bồi thường chi phi phát sinh trong khi ông B thực hiện các quy định của pháp luật do việc không tuân thủ pháp luật của Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Đ 752.400.000 đồng.

- Ngày 19/7/2024 ông B có đơn đề nghị bổ sung yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 4.650.000 đồng, trong đó tiền nhân công và thời gian 03 ngày là 1.200.000 đồng, tiền ăn uống trong 03 ngày là 450.000 đồng, tiền thuê xe đi Toà án trong 03 ngày là 3.000.000 đồng là không phù hợp quy định pháp luật.

[1.4] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông B là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm UBND thành phố B không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tại Đà Nẵng.

[2] Theo quy định khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì ông B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 9, 18, 28, 33, 40 Luật Khiếu nại; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc B và giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2023/HC-ST ngày 13/8//2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc B:

- Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện B là trái pháp luật.

- Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là trái pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Đ phải thực hiện việc giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại đề ngày 20/12/2022 cho ông B theo quy định pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Đ bồi thường chi phí phát sinh cho gia đình ông B trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật do việc không tuân thủ pháp luật của Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Đ, tổng số tiền 752.400.000 đồng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0014035 ngày 26/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, ông B đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường